Movie Recommendation with Agent AI

Đặc tả Use-Case

Phiên bản <1.0>

Lịch sử thay đổi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả thay đổi** | **Tác giả** |
| 18/04/2025 | 1.0 | Viết các nội dung ban đầu | Lê Châu Hữu Thọ |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 4](#_Toc195912299)

[2. Đặc tả Use-case 4](#_Toc195912300)

[2.1 Use-case: Tạo tài khoản 4](#_Toc195912301)

[2.2 Use-case: Đăng nhập 5](#_Toc195912302)

[2.3 Use-case: Đăng xuất 6](#_Toc195912303)

[2.4 Use-case: Xem hồ sơ 6](#_Toc195912304)

[2.5 Use-case: Chỉnh sửa hồ sơ 7](#_Toc195912305)

[2.6 Use-case: Xóa tài khoản 8](#_Toc195912306)

[2.7 Use-case: Tìm kiếm phim 9](#_Toc195912307)

[2.8 Use-case: Xem chi tiết phim 11](#_Toc195912308)

[2.9 Use-case: Xem phim trực tuyến 12](#_Toc195912309)

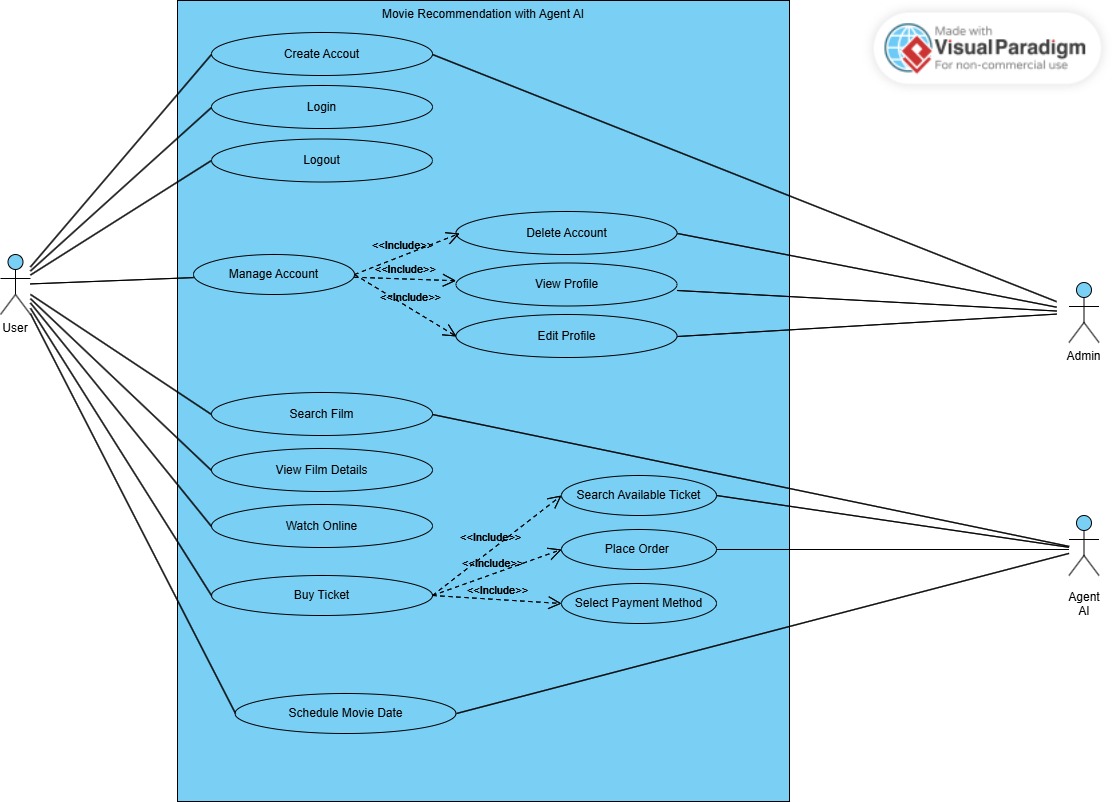
[2.10 Use-case: Tìm vé xem phim còn trống 13](#_Toc195912310)

[2.11 Use-case: Đặt vé xem phim 14](#_Toc195912311)

[2.12 Use-case: Thanh toán vé 15](#_Toc195912312)

[2.13 Use-case: Lên lịch nhắc ngày xem phim 16](#_Toc195912313)

# Sơ đồ Use-case



# Đặc tả Use-case

## Use-case: Tạo tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Tạo tài khoản |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng đăng ký tài khoản mới trên nền tảng để truy cập các tính năng. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng mở trang web và điều hướng đến trang "Tạo tài khoản". 2. Người dùng nhập thông tin cần thiết như họ tên, email, mật khẩu,... 3. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đã nhập. 4. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ tạo tài khoản mới. 5. Hệ thống xác nhận việc tạo tài khoản thành công và có thể chuyển người dùng đến trang đăng nhập hoặc giao diện chính. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Thông tin không hợp lệ.   1. Từ bước #1 của luồng chính, người dùng nhập một từ khóa khác. 2. Tiếp tục bước #2 ở luồng chính.     **Luồng 2:** Email đã tồn tại.   1. Từ bước #5 của luồng chính, hệ thống tăng số lượng của sản phẩm. 2. Tiếp tục bước #6 ở luồng chính. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng chưa có tài khoản trên hệ thống. 2. Người dùng có thể truy cập trang đăng ký. |
| Kết quả | 1. Một tài khoản người dùng mới được tạo thành công và lưu vào hệ thống. 2. Người dùng có thể đăng nhập và sử dụng các chức năng của hệ thống. |

## Use-case: Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Đăng nhập |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể đăng nhập vào hệ thống để truy cập các chức năng cá nhân hóa như đề xuất phim, đánh giá, đặt vé, lên lịch xem phim,... |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập vào trang web (trên web hoặc mobile). 2. Người dùng chọn chức năng "Đăng nhập". 3. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập. 4. Người dùng nhập email và mật khẩu. 5. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập.   Nếu thông tin đúng, hệ thống đăng nhập thành công và chuyển người dùng đến giao diện chính. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Sai mật khẩu hoặc email  Từ bước #5 trong luồng chính, nếu thông tin không đúng:   1. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. Người dùng được yêu cầu nhập lại thông tin. 3. Quay lại bước #4.   **Luồng 2:** Quên mật khẩu  Từ bước #3, người dùng chọn "Quên mật khẩu"   1. Hệ thống chuyển đến giao diện đặt lại mật khẩu. 2. Người dùng nhập email để nhận liên kết đặt lại. 3. Quay lại bước #2 sau khi đặt lại thành công. |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã có tài khoản hợp lệ trên hệ thống |
| Kết quả | 1. Người dùng được xác thực thành công. 2. Hệ thống hiển thị nội dung cá nhân hóa (phim đề xuất, lịch sử, đánh giá,...). |

## Use-case: Đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Đăng xuất |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể đăng xuất khỏi hệ thống để đảm bảo quyền riêng tư và bảo mật thông tin cá nhân. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đang đăng nhập và sử dụng trang web. 2. Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất" từ menu cá nhân hoặc biểu tượng tài khoản. 3. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận (tuỳ chọn). 4. Người dùng xác nhận đăng xuất. 5. Hệ thống thực hiện đăng xuất và chuyển người dùng về giao diện chính hoặc trang đăng nhập. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Người dùng không xác nhận  Từ bước #3, nếu người dùng chọn "Hủy":   1. Hệ thống giữ nguyên trạng thái đăng nhập. 2. Kết thúc use case. |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã có tài khoản hợp lệ trên hệ thống |
| Kết quả | 1. Phiên làm việc của người dùng kết thúc. 2. Tài khoản được đăng xuất khỏi hệ thống. 3. Các chức năng cá nhân hóa tạm thời không khả dụng cho đến khi đăng nhập lại. |

## Use-case: Xem hồ sơ

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Xem hồ sơ |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể truy cập và xem thông tin cá nhân như tên, email, lịch sử đánh giá phim, sở thích và vé đã đặt. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống. 2. Người dùng chọn biểu tượng tài khoản hoặc menu “Hồ sơ cá nhân”. 3. Hệ thống hiển thị trang thông tin cá nhân bao gồm:    * Thông tin cơ bản (họ tên, email, ảnh đại diện)    * Danh sách phim đã đánh giá/bình luận    * Lịch sử đặt vé    * Sở thích đã lưu (thể loại phim, đạo diễn, diễn viên yêu thích,...) 4. Người dùng có thể xem chi tiết từng mục nếu muốn. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Chưa đăng nhập  Từ bước #1, nếu người dùng chưa đăng nhập:   1. Hệ thống chuyển hướng đến trang đăng nhập. 2. Sau khi đăng nhập thành công, quay lại bước #2. |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Kết quả | 1. Hồ sơ người dùng được hiển thị thành công. 2. Người dùng có thể tiếp tục thao tác (chỉnh sửa hồ sơ, xem vé, thay đổi sở thích,...). |

## Use-case: Chỉnh sửa hồ sơ

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Chỉnh sửa hồ sơ |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể cập nhật thông tin cá nhân như tên, ảnh đại diện, mật khẩu và sở thích để cá nhân hóa trải nghiệm. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đăng nhập và truy cập vào trang “Hồ sơ cá nhân”. 2. Người dùng chọn nút “Chỉnh sửa hồ sơ”. 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu chỉnh sửa với các trường: họ tên, ảnh đại diện, sở thích, mật khẩu,... 4. Người dùng cập nhật thông tin mong muốn. 5. Người dùng nhấn nút “Lưu thay đổi”. 6. Hệ thống xác nhận thông tin hợp lệ, cập nhật vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo thành công. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1: Thông tin không hợp lệ**  Từ bước #6, nếu có trường bị bỏ trống hoặc không hợp lệ (ví dụ: mật khẩu quá ngắn):   1. Hệ thống hiển thị lỗi tương ứng. 2. Người dùng chỉnh sửa lại thông tin và quay lại bước #4.   **Luồng 2:** Hủy chỉnh sửa  Từ bước #3 hoặc #4, người dùng chọn “Hủy” thay vì lưu thay đổi:   1. Hệ thống hủy thao tác và quay lại trang hồ sơ cá nhân. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Đang truy cập trang hồ sơ cá nhân. |
| Kết quả | 1. Hồ sơ người dùng được cập nhật thành công với thông tin mới. 2. Các thay đổi ảnh hưởng đến tính năng cá nhân hóa (ví dụ: đề xuất phim theo sở thích mới). |

## Use-case: Xóa tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Xóa tài khoản |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể xóa vĩnh viễn tài khoản khỏi hệ thống, bao gồm toàn bộ dữ liệu cá nhân, lịch sử xem phim, đánh giá và sở thích. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đăng nhập và truy cập vào phần “Hồ sơ cá nhân” hoặc “Cài đặt tài khoản”. 2. Người dùng chọn tùy chọn “Xóa tài khoản”. 3. Hệ thống hiển thị cảnh báo về việc mất dữ liệu vĩnh viễn và yêu cầu xác nhận. 4. Người dùng xác nhận yêu cầu xóa bằng cách nhập lại mật khẩu hoặc xác thực bước 2 (2FA/email). 5. Hệ thống thực hiện việc xóa tài khoản và toàn bộ dữ liệu liên quan. 6. Hệ thống đăng xuất người dùng và hiển thị thông báo tài khoản đã bị xóa thành công. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Hủy thao tác xóa  Từ bước #3, nếu người dùng chọn “Hủy”:   1. Hệ thống quay lại trang trước đó mà không xóa tài khoản.   **Luồng 2:** Xác thực thất bại  Từ bước #4, nếu xác thực không thành công (mật khẩu sai, hết hạn OTP,...):   1. Hệ thống thông báo lỗi và cho phép người dùng thử lại. 2. Quay lại bước #4. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đăng nhập. 2. Tài khoản còn được cấp quyền hoạt động (chưa bị quản trị viên cấm hoạt động) |
| Kết quả | 1. Tài khoản và toàn bộ dữ liệu liên quan bị xóa vĩnh viễn khỏi hệ thống. 2. Người dùng không thể đăng nhập lại bằng tài khoản đó. 3. Hệ thống có thể giữ lại một số dữ liệu phi cá nhân cho mục đích thống kê (nếu được phép theo chính sách bảo mật). |

## Use-case: Tìm kiếm phim

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Tìm kiếm phim |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng tìm kiếm phim thông qua từ khóa, bộ lọc hoặc câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sẽ xử lý yêu cầu bằng cách truy vấn dữ liệu và/hoặc sử dụng Agent AI để đưa ra gợi ý phim phù hợp với sở thích người dùng. |
| Actors | Người dùng, Agent AI (Chatbot) |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập trang chủ hoặc khu vực tìm kiếm. 2. Người dùng có hai cách để bắt đầu tìm kiếm:    1. Nhập **từ khóa** (tên phim, thể loại, diễn viên, năm,...)    2. Gõ **câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên**, ví dụ:       1. *"Gợi ý cho mình phim tình cảm hài nhẹ nhàng tối nay?"*       2. *"Phim hành động có Tom Cruise năm gần đây?"* 3. Nếu người dùng nhập câu tự nhiên, hệ thống gọi Agent AI để xử lý và hiểu yêu cầu. 4. Agent AI phân tích câu hỏi, truy vấn dữ liệu và trả về danh sách phim được đề xuất. 5. Nếu là tìm kiếm từ khóa/bộ lọc, hệ thống tìm phim theo điều kiện người dùng nhập. 6. Kết quả tìm kiếm được hiển thị: danh sách phim có thể kèm theo gợi ý phụ (phim tương tự, trending,...). 7. Người dùng có thể nhấp vào phim cụ thể để xem chi tiết hoặc điều chỉnh tìm kiếm. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Không tìm thấy kết quả phù hợp  Từ bước #4, nếu không có phim nào phù hợp:   1. Hệ thống hiển thị thông báo “Không tìm thấy phim phù hợp.” 2. Agent AI gợi ý người dùng thử lại với câu hỏi khác hoặc mở rộng phạm vi tìm kiếm   **Luồng 2:** Agent AI không hiểu yêu cầu  Ở bước #3, nếu chatbot không thể hiểu đúng ý người dùng (do lỗi ngôn ngữ, thông tin không rõ):   1. Agent AI phản hồi: “Mình chưa hiểu rõ yêu cầu của bạn, bạn có thể hỏi lại cụ thể hơn không?” 2. Người dùng nhập lại câu hỏi → quay lại bước #2. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng truy cập trang web (không bắt buộc đăng nhập). 2. Hệ thống có dữ liệu phim cập nhật. 3. Agent AI đã được kích hoạt và có dữ liệu huấn luyện cơ bản. |
| Kết quả | 1. Hệ thống hiển thị danh sách phim phù hợp theo yêu cầu của người dùng. 2. Người dùng có thể chọn phim để xem chi tiết, lưu lại hoặc đặt vé (nếu khả dụng). 3. Agent AI có thể học thêm từ truy vấn để cải thiện lần đề xuất tiếp theo. |

## Use-case: Xem chi tiết phim

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Xem chi tiết phim |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể xem thông tin chi tiết về một bộ phim bao gồm mô tả, thể loại, diễn viên, đánh giá, trailer, và các tùy chọn như đặt vé hoặc viết bình luận. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng tìm thấy phim thông qua tìm kiếm, gợi ý hoặc danh sách trending. 2. Người dùng nhấp vào phim muốn xem. 3. Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết bao gồm:    * Tên phim, ảnh poster    * Mô tả nội dung    * Thể loại, đạo diễn, diễn viên    * Năm phát hành, độ dài phim    * Điểm đánh giá trung bình từ người dùng    * Trailer (nếu có)    * Các đánh giá và bình luận    * Nút đặt vé hoặc lưu phim yêu thích 4. Người dùng có thể tiếp tục thao tác như:    * Đặt vé    * Đánh giá phim    * Thêm vào danh sách yêu thích |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Phim chưa có đánh giá  Tại bước #3, nếu phim chưa có đánh giá nào:   1. Hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có đánh giá – Hãy là người đầu tiên!".   **Luồng 2:** Phim không khả dụng để đặt vé  Nếu phim chỉ có sẵn trên nền tảng streaming, không chiếu rạp:   1. Nút “Đặt vé” không hiển thị hoặc bị ẩn. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng truy cập trang web (không bắt buộc đăng nhập). 2. Hệ thống có dữ liệu phim cập nhật. |
| Kết quả | 1. Người dùng xem được thông tin chi tiết phim. 2. Có thể tiếp tục các thao tác liên quan như đánh giá, đặt vé, chia sẻ,... |

## Use-case: Xem phim trực tuyến

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Xem phim trực tuyến |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể xem phim trực tiếp trên nền tảng thông qua trình phát tích hợp, nếu phim có sẵn bản quyền streaming. |
| Actors | Người dùng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống. 2. Người dùng tìm thấy phim mong muốn thông qua tìm kiếm, đề xuất hoặc danh sách yêu thích. 3. Người dùng truy cập trang chi tiết phim. 4. Nếu phim hỗ trợ xem online, nút “Xem ngay” sẽ hiển thị. 5. Người dùng nhấn vào nút “Xem ngay”. 6. Hệ thống kiểm tra bản quyền truy cập và quyền tài khoản (miễn phí hoặc tính phí). 7. Nếu hợp lệ, hệ thống mở trình phát và bắt đầu phát phim. 8. Người dùng có thể tạm dừng, tua, bật/tắt phụ đề, chuyển độ phân giải. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Phim không hỗ trợ xem online  Tại bước #4, nếu phim chỉ có tại rạp hoặc chưa có bản quyền streaming:   1. Hệ thống ẩn hoặc vô hiệu hóa nút “Xem ngay”. 2. Hiển thị thông báo: “Phim này hiện chỉ chiếu tại rạp.”   **Luồng 2:** Tài khoản chưa đủ điều kiện xem  Tại bước #6, nếu tài khoản cần trả phí (premium) hoặc thuê phim:   1. Hệ thống hiển thị yêu cầu nâng cấp tài khoản hoặc thanh toán. 2. Người dùng có thể chọn thanh toán để tiếp tục hoặc hủy thao tác. |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đăng nhập. 2. Phim có sẵn trên hệ thống với bản quyền xem trực tuyến. |
| Kết quả | 1. Người dùng xem được phim online từ đầu đến cuối. 2. Hệ thống có thể ghi nhận lượt xem, thời lượng, và đưa vào đề xuất phim sau này. |

## Use-case: Tìm vé xem phim còn trống

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Tìm vé xem phim còn trống |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể tìm vé xem phim còn trống theo ngày, rạp, giờ chiếu,… thông qua thao tác truyền thống hoặc nhờ chatbot Agent AI tìm kiếm tự động bằng ngôn ngữ tự nhiên. |
| Actors | Người dùng, Agent AI, Rạp chiếu phim |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập hệ thống và mở khung chat hoặc trang phim. 2. Người dùng bắt đầu tìm vé theo một trong hai cách:    * Truy cập trực tiếp trang chi tiết phim → chọn “Tìm vé”    * Nhập vào chatbot câu hỏi tự nhiên, ví dụ:      + *“Có suất nào phim Dune 2 tối nay ở CGV không?”*      + *“Mình muốn xem phim hành động lúc 8 giờ ở Hà Nội”* 3. Nếu sử dụng chatbot, Agent AI sẽ phân tích câu hỏi (xác định phim, địa điểm, thời gian,...). 4. Agent AI hoặc hệ thống gửi yêu cầu đến API của rạp phim để lấy dữ liệu vé còn trống. 5. Hệ thống hiển thị kết quả:    * Danh sách suất chiếu còn trống    * Số lượng ghế    * Rạp, giờ chiếu, định dạng (2D/3D), giá vé 6. Người dùng chọn suất chiếu để chuyển sang bước đặt vé. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Không có vé phù hợp  Ở bước #5, nếu không còn vé phù hợp:   1. Hệ thống/Agent AI thông báo: “Không còn vé vào thời gian bạn chọn. Bạn muốn xem suất gần nhất không?” 2. Người dùng có thể chọn lại tiêu chí → quay lại bước #2 hoặc #3.   **Luồng 2:** Agent AI không hiểu yêu cầu  Ở bước #3, nếu người dùng nhập câu hỏi không rõ (ví dụ: thiếu tên phim hoặc thời gian):   1. Agent AI phản hồi: “Bạn có thể cho mình biết tên phim hoặc khoảng thời gian mong muốn không?” 2. Người dùng nhập lại → quay lại bước #3.   **Luồng 3:** API rạp lỗi hoặc quá tải  Ở bước #4, nếu API không phản hồi hoặc lỗi kỹ thuật:   1. Hệ thống thông báo lỗi: “Không thể kết nối tới hệ thống rạp phim. Vui lòng thử lại sau.” |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã truy cập hệ thống (không bắt buộc đăng nhập). 2. Agent AI hoạt động bình thường và đã được tích hợp với dữ liệu lịch chiếu. 3. Hệ thống rạp phim có API mở/kết nối ổn định. |
| Kết quả | 1. Người dùng nhận được danh sách suất chiếu còn vé phù hợp. 2. Có thể tiếp tục thực hiện đặt vé ngay từ kết quả đề xuất. |

## Use-case: Đặt vé xem phim

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Đặt vé xem phim |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng đặt vé xem phim thông qua thao tác trực tiếp hoặc nhờ Agent AI (chatbot) hỗ trợ, bao gồm chọn suất chiếu, chọn ghế và xác nhận thông tin vé. |
| Actors | Người dùng, Agent AI, Rạp chiếu phim |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng tìm được suất chiếu mong muốn (qua tìm kiếm, chatbot hoặc trang phim). 2. Người dùng chọn suất chiếu → nhấn "Đặt vé" hoặc người dùng nhập câu yêu cầu vào chatbot, ví dụ:    * *“Đặt giúp mình 2 vé phim Dune 2 ở CGV Gò Vấp tối nay lúc 7h.”* 3. Nếu dùng chatbot, Agent AI sẽ phân tích thông tin yêu cầu (tên phim, địa điểm, thời gian, số lượng vé, loại ghế). 4. Hệ thống (hoặc AI) hiển thị giao diện chọn ghế hoặc gợi ý sơ đồ ghế trống. 5. Người dùng chọn ghế và xác nhận thông tin đặt vé. 6. Hệ thống hiển thị thông tin thanh toán (giá vé, ưu đãi nếu có). 7. Người dùng chọn phương thức thanh toán (Momo, VNPAY, thẻ ngân hàng,...). 8. Hệ thống xử lý thanh toán và xác nhận đơn hàng thành công. 9. Vé được gửi về tài khoản người dùng (email/app), đồng thời lưu vào “Lịch sử đặt vé”. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Agent AI không đủ thông tin đặt vé  Ở bước #3, nếu người dùng chỉ nói "Đặt giúp mình vé phim", mà không có thông tin đầy đủ:   1. Agent AI phản hồi: “Bạn muốn xem phim nào? Ở đâu và lúc mấy giờ?” 2. Quay lại bước #3 với câu trả lời rõ ràng hơn từ người dùng.   **Luồng 2:** Ghế đã có người đặt  Ở bước #5, nếu người dùng chọn ghế vừa bị người khác đặt mất:   1. Hệ thống thông báo: “Ghế bạn chọn đã được đặt. Vui lòng chọn lại ghế khác.” 2. Quay lại bước #4.   **Luồng 3:** API rạp lỗi hoặc quá tải  Ở bước #4, nếu API không phản hồi hoặc lỗi kỹ thuật:   1. Hệ thống thông báo lỗi: “Không thể kết nối tới hệ thống rạp phim. Vui lòng thử lại sau.” |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống 2. Agent AI và API rạp chiếu hoạt động bình thường 3. Phim có suất chiếu đang mở đặt vé |
| Kết quả | 1. Hệ thống ghi nhận lựa chọn suất chiếu, ghế và sẵn sàng chuyển sang bước thanh toán 2. Dữ liệu tạm thời lưu vào phiên người dùng (session/cart) |

## Use-case: Thanh toán vé

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Thanh toán vé |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng tiến hành thanh toán đơn hàng vé xem phim sau khi đã chọn suất chiếu, ghế và xác nhận thông tin. Thanh toán được thực hiện qua các cổng thanh toán điện tử tích hợp. |
| Actors | Người dùng, Agent AI, Rạp chiếu phim |
| Luồng sự kiện chính | 1. Sau khi xác nhận đơn hàng (phim, giờ chiếu, ghế, giá vé), hệ thống chuyển người dùng đến giao diện thanh toán. 2. Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán khả dụng (Momo, VNPay, thẻ ngân hàng, ví điện tử...). 3. Người dùng chọn phương thức thanh toán mong muốn. 4. Người dùng điền thông tin thanh toán (nếu cần), sau đó nhấn “Xác nhận” hoặc “Thanh toán”. 5. Hệ thống chuyển hướng đến cổng thanh toán tương ứng. 6. Người dùng hoàn tất thao tác thanh toán (qua OTP, mã QR, app ngân hàng, v.v.). 7. Sau khi thanh toán thành công, hệ thống xác nhận và hiển thị thông báo “Đặt vé thành công”. 8. Vé được lưu trong tài khoản và gửi qua email (nếu có). |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Người dùng hủy thanh toán giữa chừng  Ở bước #4 hoặc #5, nếu người dùng nhấn “Hủy” hoặc đóng trang:   1. Hệ thống ghi nhận đơn hàng chưa hoàn tất và không giữ vé. 2. Trở lại trang xác nhận đơn hàng hoặc trang chủ.   **Luồng 2:** Thanh toán thất bại  Ở bước #6, nếu giao dịch bị lỗi (OTP sai, kết nối mạng yếu, tài khoản không đủ tiền,...):   1. Hệ thống thông báo lỗi: “Thanh toán không thành công. Vui lòng thử lại.” 2. Người dùng có thể thử lại hoặc chọn phương thức khác → quay lại bước #3 |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đăng nhập. 2. Đã chọn vé và xác nhận thông tin đặt vé. 3. Hệ thống có tích hợp cổng thanh toán hoạt động ổn định. |
| Kết quả | 1. Đơn hàng được thanh toán thành công. 2. Vé được lưu trong hệ thống và gắn với tài khoản người dùng. 3. Người dùng có thể xem vé trong mục “Lịch sử đặt vé” hoặc email. |

## Use-case: Lên lịch nhắc ngày xem phim

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Lên lịch nhắc ngày xem phim |
| Mô tả | Use case này mô tả cách người dùng có thể lên lịch nhắc nhở cho suất chiếu đã đặt, thông qua thao tác thủ công hoặc nhờ Agent AI hỗ trợ đồng bộ lịch vào Google Calendar và gửi thông báo nhắc. |
| Actors | Người dùng, Agent AI |
| Luồng sự kiện chính | 1. Sau khi đặt vé thành công, người dùng có thể nhấn “Lên lịch nhắc "hoặc nhập vào chatbot câu như:    * *“Nhắc mình đi xem Dune 2 vào tối mai lúc 7h nhé.”* 2. Nếu dùng chatbot, Agent AI sẽ trích xuất thông tin từ câu lệnh hoặc đơn hàng: tên phim, thời gian chiếu, rạp. 3. Agent AI đề xuất:  Lên lịch trên Google Calendar  Gửi thông báo trước giờ chiếu (ví dụ: 1 giờ trước)  Chia sẻ lịch với bạn bè nếu đi nhóm 4. Người dùng xác nhận đồng bộ lịch (đăng nhập Google nếu cần). 5. Hệ thống/AI thực hiện tạo sự kiện trên Google Calendar (hoặc hệ thống nhắc nhở riêng của app). 6. Hệ thống hiển thị thông báo: “Lịch nhắc đã được tạo thành công”. |
| Các luồng sự kiện khác | **Luồng 1:** Người dùng từ chối kết nối lịch  Tại bước #4, nếu người dùng không muốn kết nối Google Calendar:   1. Agent AI sử dụng hệ thống nhắc nội bộ của app (gửi thông báo qua app trước giờ chiếu)   **Luồng 2:** Agent AI thiếu thông tin thời gian/phim  Ở bước #2, nếu chatbot không rõ thông tin phim hoặc thời gian:   1. AI phản hồi: “Bạn muốn lên lịch cho phim nào, vào lúc mấy giờ?” 2. Người dùng bổ sung → quay lại bước #2   **Luồng 2: Lỗi khi đồng bộ với Google Calendar**  Ở bước #5, nếu gặp lỗi kết nối hoặc xác thực:   1. Hệ thống thông báo: “Không thể đồng bộ với Google Calendar. Bạn có muốn nhận nhắc qua app không?” 2. Người dùng chọn tiếp tục → dùng hệ thống nhắc mặc định |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Người dùng đã đặt vé phim. 2. Agent AI đã kích hoạt. 3. (Tuỳ chọn) Người dùng cho phép kết nối với tài khoản Google. |
| Kết quả | * Sự kiện được tạo trên Google Calendar hoặc app. * Hệ thống có thể gửi thông báo tự động trước giờ chiếu (ví dụ: 1 giờ hoặc 30 phút trước). |